TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2025/HS-ST
Ngày 29-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bạch Tuyết;

2. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Xuân Cường, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Lê Đăng Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2025/QĐXXST - HS ngày 16 tháng 9 năm 2025 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1979 tại Thành phố H; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh T (ấp B, xã H, tỉnh T); nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T và bà Trần Thị Ngọc M; có chồng tên Trần Nam C và 01 người con; tiền án, tiền sự: không có; bị tạm giữ ngày 12-4-2025, chuyển tạm giam từ ngày 18-4-2025 cho đến nay; có mặt.

2/ Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 tại tỉnh Đ; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T (nay là ấp T, xã T, tỉnh T); nghề nghiệp: xe ôm; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H1 (đã chết); có vợ tên Nguyễn Thị Bé H2 và 02 người con; tiền án: Bản án số 130/2023/HS-PT ngày 29-9-2023, Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt H 01 (một) năm tù về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép", ngày 15-9-2024, chấp hành xong án phạt tù, chưa được xóa án tích; tiền sự: không có; nhân thân: Bản án số 09/2019/HS-PT ngày 17-01-2019, Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt H 01 (một) năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà" có, ngày 13-12-2019 chấp hành xong bản án, đã được xóa án tích; bị tạm giữ ngày 11-4-2025, chuyển tạm giam từ ngày 17-4-2025 cho đến nay; có mặt.

3/ Đào Văn H3, sinh năm 1983 tại tỉnh T; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T (nay là ấp T, xã T, tỉnh T); nghề nghiệp: xe ôm; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn B và bà Trương Thị H4 (đã chết); có vợ tên Nguyễn Thị Cẩm N và 03 người con; tiền án, tiền sự: không có; bị tạm giữ ngày 11-4-2025, chuyển tạm giam từ ngày 17-4-2025 cho đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 08 giờ 10 phút ngày 11-4-2025, tại khu vực đường T thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T (nay là ấp T, xã T, tỉnh T), Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T phối hợp Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh T, Đồn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế X thuộc Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh T và Công an xã T, tỉnh T phát hiện bắt quả tang H đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 70H1-299.95 chở theo phía sau Trần Ngọc T1, sinh năm 2005, nơi thường trú Thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đ2 (nay là xã E, tỉnh Đ2) để xuất cảnh trái phép sang Campuchia và tạm giữ phương tiện, đồ vật, tài liệu có liên quan.

Quá trình điều tra thể hiện: do cần tìm việc làm lương cao tại Campuchia, T1 sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook tên "Trần T3" liên lạc với người đàn ông tên V sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook tên "Cảm T4" do người đàn ông tên T2 (không rõ nhân thân, lai lịch) làm chung quán ăn Cô H5 tại số E đường Q, phường N, thành phố G, tỉnh Đ3 (nay là phường N, tỉnh L) giới thiệu. Người đàn ông tên V đồng ý lo toàn bộ chi phí đưa T1 xuất cảnh trái phép sang Campuchia làm việc trên máy tính với mức lương 20.000.000 đồng/tháng, sau khi vào làm sẽ trừ vào tiền lương hàng tháng. Sau khi thỏa thuận với T1 thì người đàn ông tên V yêu cầu T1 cung cấp hình ảnh, số điện thoại di động, nơi đang làm việc và thống nhất thời gian cho người đến đón.

Ngày 10-4-2025, Đỗ Minh Đ, sinh năm 1994, nơi thường trú thôn Q, xã Đ, huyện Đ, Đ3 (nay là thôn Q, xã Đ, tỉnh L) làm nghề chạy xe taxi dịch vụ được một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch, số điện thoại, liên lạc đến số điện thoại 0865966011 của Đ để thuê chở T1 từ thành phố G, tỉnh Đ3 đến bưu điện xã T, tỉnh T nên đồng ý với số tiền 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

Sau đó, Ngọc A được người đàn ông sử dụng tài khoản Telegram tên "Gia V" (không rõ nhân thân, lai lịch) quen biết trên mạng xã hội khi làm phụ quán ăn tại Campuchia liên lạc qua tài khoản Telegram "B" thuê đưa T1 xuất cảnh trái phép sang Campuchia với tổng chi phí tiền thuê xe, chi phí ăn uống, thuê phòng nghỉ là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng). Ngọc A sử dụng số tài khoản 0828857702 của ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (M1) nhận số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) từ số tài khoản 8802800360 của ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (B2) do Nguyễn Lương G, sinh năm 1988, nơi thường trú số C, Tổ B, phường Đ, thành phố H, tỉnh H (nay là số C, Tổ B, phường H, tỉnh P) đăng ký chủ tài khoản và

số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) từ số tài khoản 815801 của ngân hàng Thương mại cổ phần P1 (OCB) do Bùi Viết T3, sinh năm 1991, nơi thường trú Buôn Lê B1, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đ2 (nay là Buôn Lê B1, xã E, tỉnh Đ2) đăng ký chủ tài khoản chuyển đến.

Người đàn ông sử dụng tài khoản Telegram tên "Gia V" nhắn số điện thoại 0865966011 của Đ cho Ngọc A để liên lạc thỏa thuận địa điểm đón, trả T1 và thanh toán tiền xe taxi. Đến khoảng 16 giờ ngày 10-4-2025, Ngọc A sử dụng số điện thoại 0828857702 liên lạc với Đ để thỏa thuận địa điểm đón, trả T1 và chuyển khoản thanh toán trước số tiền 1.000.000 (Một triệu đồng) từ số tài khoản 0828857702 của ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (M1) đến số tài khoản 5300205651306 của ngân hàng N2 (A1) của Đ. Đến khoảng 17 giờ 00 phút ngày 10-4-2025, do Đ đã uống rượu, bia nên nhờ anh ruột là Đỗ Văn P, sinh năm 1996, cùng thường trú thôn Q, xã Đ, huyện Đ, Đ3 (nay là thôn Q, xã Đ, tỉnh L) điều khiển xe ô tô biển số 48E-000.20 của Đ đến đường L đón T1 chở đến bưu điện T thuộc xã T, tỉnh T. Lúc này, Nguyễn Ngọc A sử dụng tài khoản Zalo tên "Bách M" liên lạc tài khoản Zalo tên "Sang N1" của Đào Văn H3 hành nghề chạy xe ôm khu vực cửa khẩu Quốc tế X mà Ngọc A quen biết trước đó để thuê đưa T1 từ khu vực chợ T6 xuất cảnh sang Campuchia bằng đường mòn với số tiền là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Ngọc A nhận được số điện thoại 0963621650 của P từ Đ và tiếp tục nhắn cho H3 để liên lạc đón T1.

Đến khoảng 23 giờ ngày 10-4-2025, P chở T1 đến bưu điện T gặp H3 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 70H1-623.09 đến đón. Sau khi T1 xuống xe, P liên lạc với số điện thoại của Ngọc A để thanh toán tiền xe, tiền ăn uống phát sinh thêm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) thì Ngọc A sử dụng số tài khoản 0828857702 của ngân hàng M1 chuyển số tiền 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng) đến số tài khoản 3179797979799 ngân hàng M1 của Đỗ Văn P. T1 được H3 đón, đưa đến khách sạn H6 thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T (nay là ấp T, xã T, tỉnh T) thuê phòng cho T1 nghỉ, hẹn sáng ngày 11/4/2025 sẽ đón đưa sang Campuchia. Sau khi nhận phòng, H3 trả tiền thuê phòng số tiền 450.000 đồng và báo cho Ngọc A biết để Ngọc A chuyển trả số tiền trên cho H3 vào số tài khoản 0336455783 ngân hàng M1 do H3 đăng ký sử dụng.

Đến 06 giờ 30 phút ngày 11-4-2025, H3 quay lại khách sạn H6 đón T1 nhưng do không thông thạo đường mòn sang Campuchia nên H3 sử dụng tài khoản Zalo tên "Sang N1" liên lạc đến tài khoản Zalo tên "B" của H thuê H tiếp tục đưa T1 xuất cảnh trái phép sang Campuchia và thoản thuận chia đôi số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 70H1-299.95 đến gặp H3 và T1 tại quán cà phê không tên thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T (nay là ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T). Hận sử dụng xe mô tô nêu trên chở T1 đi trên đường T thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T để xuất cảnh trái phép sang Campuchia bằng đường mòn thì bị bắt quả tang.

Ngày 12-4-2025, Ngọc A, đến Công an xã T, tỉnh T đầu thú và khai nhận hành vi thuê H3 đưa T1 xuất cảnh trái phép sang Campuchia.

Kê biên tài sản: các bị cáo không có tài sản là quyền sử dụng đất nên không tiến hành kê biên. Tuy nhiên, có tiến hành phong tỏa tài khoản ngân hàng của bị cáo Ngọc A và H3.

Kết quả giám định:

- Tại Kết luận giám định số: 627/KL-KTHS ngày 12-6-2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận: 01 (một) xe mô tô, loại xe Honda, màu xanh, số khung RLHJA3900HY044096, số máy JA39E-0044185 và 01 (một) mô tô, loại xe Honda, màu trắng, số khung RLHJA3936PY006011, số máy JA70E-0007878, số khung và số máy của hai xe mô tô này không bị đục xóa.

- Tại Kết luận giám định số: 687/KL-KTHS ngày 14-5-2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận: trích xuất và phục hồi dữ liệu bị xóa trong điện thoại của Nguyễn Ngọc A –ký hiệu A. Chi tiết trong file đính kèm (MD5:1FA634D3B5304CF4B0A4D59847B5A47A) lưu trong 01 đĩa DVD. Kết quả kiểm tra file phục hồi dữ liệu không có nội dung liên quan đến vụ án.

Bản cáo trạng số: 13/CT-VKSTN ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Văn H và Đào Văn H3 về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Văn H, Đào Văn H3 phạm tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự và đề nghị:

- Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A từ 18 (mười tám) tháng tù đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 15 (mười lăm) tháng tù đến 18 (mười tám) tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đào Văn H3 từ 12 (mười hai) tháng tù đến 15 (mười lăm) tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

* Về biện pháp tư pháp: căn cứ các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: các bị cáo Ngọc A, H và H3 đều ân hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi và quyết định tố tụng: về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện:

[2.1] Vì mục đích tư lợi, muốn có tiền nhanh chóng nên ngày 10-4-2025 khi được người đàn ông sử dụng tài khoản Telegram tên "Gia V" đang sống ở Campuchia (không rõ nhân thân, lai lịch) thuê đón, đưa Trần Ngọc T1 xuất cảnh trái phép sang Campuchia với số tiền 9.000.000 đồng, Ngọc A đã đồng ý và thuê H3 thực hiện việc đón, đưa T1 xuất cảnh trái phép sang Campuchia với số tiền 3.500.000 đồng. Do không thông thạo đường mòn sang Campuchia, H3 thuê H tiếp tục đưa T1 xuất cảnh trái phép sang Campuchia và thoản thuận chia đôi số tiền 3.500.000 đồng. Vào lúc 08 giờ 10 phút ngày 11-4-2025, khi H chở T1 đến khu vực đường T gần chốt Cây trời đánh thuộc ấp Á, xã T, tỉnh T để xuất cảnh sang Campuchia thì bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T phối hợp Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh T, Đồn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế X thuộc Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh T và Công an xã T, tỉnh T phát hiện bắt quả tang và tạm giữ phương tiện, đồ vật, tài liệu có liên quan. Hành vi của các bị cáo Ngọc A, H3, H đủ yếu tố cấu thành tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"* theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Bản Cáo trạng số 13/CT – VKSTN ngày 04-9-2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ.

[2.2] Đối với Đỗ Minh Đ và Đỗ Văn P nhận chở người để được thanh toán tiền cước vận chuyển nhưng không bàn bạc, thỏa thuận và không biết mục đích Ngọc A liên hệ chở T1 xuất cảnh trái phép sang Campuchia; đối với các đối tượng sử dụng tài khoản Facebook "Cảm T4", "G" và người đàn ông tên "T5" không xác định được nhân thân lai lịch nên không tiến hành triệu tập làm việc được, không đủ căn cứ để xử lý.

Đối với Nguyễn Lương G là chủ số tài khoản 8802800360 bị các đối tượng người nước ngoài chiếm giữ thông tin tài khoản ngân hàng, không thực hiện việc chuyển tiền cho Ngọc A để sử dụng thực hiện hành vi phạm tội; Bùi Việt T5 là số tài khoản 815801 đã bỏ địa phương đi đâu không rõ nên không làm việc được, không đủ căn cứ để xử lý.

Đối với T1 Công an xã T, tỉnh Tây Ninh đã xử phạt vi phạm hành chính 4.000.000 đồng về hành vi "Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh theo quy định pháp luật" tại Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31-12-2021.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh đồng thời gây mất trật tự an ninh khu vực biên giới, nên cần nghiêm trị để góp phần bảo đảm an ninh trật tự.

[4] Xét vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo: khi thực hiện hành vi các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

Bị cáo Ngọc A giữ vai trò chủ mưu, trực tiếp liên lạc, thỏa thuận nhận người, tiền công, sắp xếp thời gian đón, đưa 01 người xuất cảnh trái phép sang Campuchia; bị cáo H và H3 đồng phạm giúp sức cho bị cáo Ngọc A nhận đón, đưa người từ xã T, tỉnh T xuất cảnh trái phép sang C, trong đó bị cáo H đã bị kết án về tội "Tổ chức cho người khác xuất xuất cảnh trái phép", chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, nên các bị cáo Ngọc A và H phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với bị cáo H3.

[5] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét toàn diện các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo:

[5.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo H đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Ngọc A, H3 không có tình tiết tăng nặng.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Ngọc A đầu thú hành vi phạm tội ngày 12-4-2025; các bị cáo Ngọc A và H3 có cha, mẹ ruột là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba, nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5.3] Nhân thân: các bị cáo Ngọc A và H3 có nhân thân tốt; bị cáo H có nhân thân xấu: năm 2019 bị Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 01 (một) năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", mặc dù đã được xóa án tích nhưng nhân thân bị cáo vẫn bị xem là xấu.

[6] Về hình phạt áp dụng: xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho hành vi phạm tội và nhân thân các bị cáo Ngọc A, H, H3 cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt; đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Các bị cáo đã bị áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi của mình, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Xử lý vật chứng:

- Tiền, tài sản thu giữ, phong tỏa của các bị cáo có liên quan đến việc thực hiện tội phạm, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước gồm:

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, nhãn hiệu Wave, màu xám đen bạc, biển kiểm soát 70H1-299.95 và 01 điện thoại hiệu OPPO A76 màu đen, có gắn sim 0967494057 và sim +8550715337116 (đã qua sử dụng) của bị cáo H;

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, nhãn hiệu Wave, màu trắng, biển kiểm soát 70H1-623.09 và 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A18, gắn sim số 0336455783 của bị cáo H3;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y100, màu xanh, gắn sim số 0828857702 và số tiền thu lợi bất chính 5.650.000 đồng của bị cáo Ngọc A.

- Tài sản thu giữ là 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A17K, gắn sim số 0977040761 của bị cáo H3 không liên quan đến việc thực hiện tội phạm, cần trả lại cho bị cáo H3.

[8] Lệnh phong tỏa tài khoản số 73/LPT- ANĐT, ngày 23-6-2025 của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T, số tiền 5.510.619 đồng trong tài khoản số 0828557702 tại Ngân hàng M1 của bị cáo Ngọc A cần tiếp tục duy trì cho đến khi bị cáo Ngọc A thi hành xong các khoản tiền phạt và án phí.

Bị cáo H3 bị xử phạt hình phạt tù và không bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, nên cần hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 74/LPT- ANĐT, ngày 23-6-2025 của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T, số tiền 6.168.690 đồng trong tài khoản 0336455783 tại Ngân hàng M1 của bị cáo H3.

[9] Về án phí: các bị cáo Ngọc A, H, H3 là người bị kết án, nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Văn H và Đào Văn H3 phạm tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép".

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 12-4-2025.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11-4-2025.

1.3. Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đào Văn H3 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11-4-2025.

2. Biện pháp tư pháp: căn cứ các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, nhãn hiệu Wave, màu xám đen bạc, biển kiểm soát 70H1-299.95, số khung 3900HY044096, số máy JA39E0044185 (đã qua sử dụng) và 01 (một) điện thoại hiệu OPPO A76 màu đen, số IMEI1 869571057179970, số IMEI2 869571057179962 có gắn sim 0967494057 và sim +8550715337116 (đã qua sử dụng) của bị cáo Nguyễn Văn H;

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, nhãn hiệu Wave màu trắng, biển kiểm soát 70H1-623.09, số khung RLHJA3936PY006011, số máy JA70E0007878 (đã qua sử dụng) và 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A18, số IMEI 1: 866227068672130 gắn sim số 0336455783, trên sim có số 8984048000065957992 (đã qua sử dụng) của bị cáo Đào Văn H3;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y100, màu xanh, số IMEI1: 865204078090190 gắn sim số 0828857702, trên sim có số 89840200011480272226 (đã qua sử dụng) và Số tiền thu lợi bất chính 5.650.000 đồng của bị cáo Nguyễn Ngọc A.

- Trả lại cho bị cáo Đào Văn H3: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A17K, số IMEI 1: 865579063488636, gắn sim số 0977040761, trên sim có số 8984048000923872481 (đã qua sử dụng).

(Vật chứng đang được tạm giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - T theo biên bản giao vật chứng ngày 05-9-2025).

3. Xử lý Lệnh phong tỏa tài khoản:

- Tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản số: 73/LPT- ANĐT, ngày 23-6-2025 của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T, số tiền 5.510.619 (năm triệu, năm trăm mười nghìn đồng, sáu trăm mười chín) đồng trong tài khoản số 0828557702 tại Ngân hàng M1 của bị cáo Nguyễn Ngọc A để đảm bảo thi hành án.

- Hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số: 74/LPT- ANĐT, ngày 23-6-2025 của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T, số tiền 6.168.690 (sáu triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn, sáu trăm chín mươi) đồng trong tài khoản 0336455783 tại Ngân hàng M1 của bị cáo Đào Văn H3.

4. Về án phí: căn cứ các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Văn H và Đào Văn H3, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT.TANDTC (Vụ 1);
- PKTNV- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Trại tạm giam số 1 – Công an tỉnh Tây Ninh;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh TN;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thúy